

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

Ngày 16 tháng 01 năm 2016

Số: 363/VACO/BCKT.HP

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 16/01/2016, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

*Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)*

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty áp dụng miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



---

**Lương Thị Thúy**

**Phó Giám đốc chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1148-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO  
TẠI HẢI PHÒNG**

*Ngày 16 tháng 01 năm 2016*

---

**Đỗ Bình Dương**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số: 1953-2013-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.703.846.776.767</b>	<b>1.223.578.810.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.043.069.462.202</b>	<b>506.580.539.574</b>
1. Tiền	111		67.411.912.269	385.721.652.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		975.657.549.933	120.858.887.134
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>448.550.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	448.550.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189.082.802.889</b>	<b>53.901.836.218</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		19.629.420.092	7.754.563.636
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	<b>7</b>	159.789.484.589	33.913.342.793
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.663.898.208	12.233.929.789
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>468.483.639.941</b>	<b>214.531.655.159</b>
1. Hàng tồn kho	141		469.800.103.758	215.338.946.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.316.463.817)	(807.291.609)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.210.871.735</b>	<b>14.779.144</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.210.871.735	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	14.779.144
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.061.001.447.514</b>	<b>217.666.987.411</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.055.162.263</b>	<b>5.309.560.766</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	7.055.162.263	5.309.560.766
- Nguyên giá	222		8.101.880.800	5.945.191.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.046.718.537)	(635.630.579)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.053.888.652.384</b>	<b>212.325.347.386</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>10</b>	478.950.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	<b>6</b>	578.322.400.000	180.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253		-	33.427.347.386
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	<b>6</b>	(3.383.747.616)	(1.102.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.632.867</b>	<b>32.079.259</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		57.632.867	32.079.259
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.764.848.224.281</b>	<b>1.441.245.797.506</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>149.578.981.975</b>	<b>693.737.031.699</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149.578.981.975</b>	<b>693.737.031.699</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	-	591.832.667.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.724.239.220	14.939.208.491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		374.842.534	4.817.796.342
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	11.035.000.000
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	47.246.460.550	48.417.055.856
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	75.000.000.000	-
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		811.736.389	14.230.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.421.703.282	8.465.303.282
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.615.269.242.306</b>	<b>747.508.765.807</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.615.269.242.306</b>	<b>747.508.765.807</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	14	2.330.904.280.000	573.642.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2.330.904.280.000	573.642.410.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	14	124.532.011.543	14.116.236.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	14	19.572.915.034	12.780.251.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	14	140.260.035.729	146.969.868.807
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		25.449.803.773	11.116.588.129
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		114.810.231.956	135.853.280.678
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.764.848.224.281</b>	<b>1.441.245.797.506</b>

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu  
Ngày 16 tháng 01 năm 2016

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	1.803.858.644.342	1.423.761.494.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.803.858.644.342	1.423.761.494.958
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	1.531.245.612.621	1.242.239.968.595
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		272.613.031.721	181.521.526.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	82.061.155.915	11.064.368.263
7. Chi phí tài chính	22	20	15.120.370.969	8.092.987.864
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.167.302.382	573.098.277
8. Chi phí bán hàng	25		(6.063.995.804)	33.276.122.179
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.166.218.852	13.430.607.236
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		337.451.593.619	137.786.177.347
11. Thu nhập khác	31		5.646.403.552	2.594.888.453
12. Chi phí khác	32		1.098.979.842	2.341.940.335
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.547.423.710	252.948.118
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		341.999.017.329	138.039.125.465
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	5.198.088.373	2.185.844.787
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		336.800.928.956	135.853.280.678



Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu  
Ngày 16 tháng 01 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÃ SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>341.999.017.329</i>	<i>138.039.125.465</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	812.684.128	390.787.964
Các khoản dự phòng	03	2.790.919.824	16.139.291.609
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản	04	-	105.004.918
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(81.120.062.410)	(6.833.989.569)
Chi phí lãi vay	06	7.167.302.382	573.098.277
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>271.649.861.253</i>	<i>148.413.318.664</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(129.517.499.001)	128.798.899.928
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(254.461.156.990)	(87.326.882.153)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(619.547.671.402)	497.216.053.627
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(25.553.608)	599.571.064
Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.167.302.382)	(573.098.277)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.808.466.695)	(2.264.090.388)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(581.781.457)	(211.764.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(744.459.570.282)</i>	<i>684.652.008.465</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.596.629.455)	(3.567.146.547)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1.056.731.818	2.000.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(448.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	448.550.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(364.895.052.614)	(100.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	80.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	72.242.114.161	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>153.357.163.910</i>	<i>(470.117.146.547)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	1.220.951.127.000	114.643.430.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	883.097.031.980	33.377.520.514
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(808.097.031.980)	(33.377.520.514)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(168.359.798.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>1.127.591.329.000</i>	<i>114.643.430.000</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>	<i>536.488.922.628</i>	<i>329.178.291.918</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	506.580.539.574	177.402.247.656
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	1.043.069.462.202	506.580.539.574

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND



Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu  
Ngày 16 tháng 01 năm 2016



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 03/12/2015.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 là: 2.330.904.280.000 đồng.

Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Trong năm, Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu hoán đổi với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hoàng Giang, do đó Công ty Cổ phần Hoàng Giang trở thành công ty con của Công ty từ ngày 11/3/2015.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

MẪU B 09-DN

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy có cổ đông lớn, Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy;
- Công ty sở hữu 99,78% cổ phần của Công ty cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang, do đó Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang là bên liên quan;
- Các Công ty liên doanh, liên kết
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Góp vốn liên doanh*

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng trích lập dự phòng 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	05
Phương tiện vận tải	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

*Dự phòng bảo hành:*

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể, do đó từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành với tỷ lệ 0,045%/doanh thu, theo đó giá chi phí dự phòng bảo hành sẽ giảm đi khoảng 13 tỷ đồng.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	190.825.079	128.304.543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.221.087.190	385.593.347.897
Các khoản tương đương tiền (*)	975.657.549.933	120.858.887.134
<b>Cộng</b>	<b>1.043.069.462.202</b>	<b>506.580.539.574</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	448.550.000.000	448.550.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	448.550.000.000	448.550.000.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>448.550.000.000</b>	<b>448.550.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**  
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**MÃU B 09-DN**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con (1)	478.950.000.000	-	478.950.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	578.322.400.000	3.383.747.616	574.938.652.384	1.102.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác (3)	-	-	33.427.347.386	-
<b>Cộng</b>	<b>1.057.272.400.000</b>	<b>3.383.747.616</b>	<b>1.053.888.652.384</b>	<b>1.102.000.000</b>
				<b>178.898.000.000</b>
				<b>33.427.347.386</b>
				<b>212.325.347.386</b>

(1) Đầu tư công ty con

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang kể từ ngày 11/3/2015.

Thông tin chi tiết về Công ty con – Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang đã được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ	99.78	99.78

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(2) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	10.000.000	100.000.000.000	10.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Prukca Việt Nam (*)	-	262.522.400.000	-	-
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	13.580.000	135.800.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>31.580.000</b>	<b>578.322.400.000</b>	<b>18.000.000</b>	<b>180.000.000.000</b>

\* Trong năm, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% (tại ngày 01/01/2015 đang trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác điểm (3)) lên 46,35% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	40,00	40,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viết Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Phòng AB, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	46,35	46,35	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
Công ty CP phát triển dịch vụ Trường Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	48,50	48,50	Kinh doanh linh kiện ô tô

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	USD	VND	USD	VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	159.789.484.589	-	33.913.342.793
Dongfeng Moto Co.,Ltd	6.340.661,00	142.740.308.239	-	-
Nhà cung cấp nước ngoài khác	321.300,00	7.244.351.100	356.196,00	7.567.208.360
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	-	9.279.825.250	-	25.946.134.433
Các đối tượng khác	-	525.000.000	-	400.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>159.789.484.589</b>	-	<b>33.913.342.793</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	57.158.862.779	-	50.438.454.399	-
Thành phẩm	40.597.106.418	-	1.816.674.406	-
Hàng hóa	115.880.778.299	1.316.463.817	36.214.859.655	807.291.609
Hàng gửi bán	256.163.356.262	-	126.868.958.308	-
<b>Cộng</b>	<b>469.800.103.758</b>	<b>1.316.463.817</b>	<b>215.338.946.768</b>	<b>807.291.609</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2015	5.601.974.547	343.216.798	5.945.191.345
Mua trong kỳ	3.596.629.455	-	3.596.629.455
Giảm trong kỳ	(1.439.940.000)	-	(1.439.940.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>7.758.664.002</b>	<b>343.216.798</b>	<b>8.101.880.800</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2015	414.445.087	221.185.492	635.630.579
Khấu hao trong kỳ	790.565.899	22.118.229	812.684.128
Thanh lý nhượng bán	(401.596.170)	-	(401.596.170)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>803.414.816</b>	<b>243.303.721</b>	<b>1.046.718.537</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	5.187.529.460	122.031.306	5.309.560.766
Tại 31/12/2015	6.955.249.186	99.913.077	7.055.162.263

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, trong năm Công ty thực hiện phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu tương đương 478.950.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang kể từ ngày 11/3/2015.

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Giá trị VND	trả nợ VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	591.832.667.728	591.832.667.728
Dongfeng Moto Co.,Ltd	-	-	591.823.481.728	591.823.481.728
Các đối tượng khác	-	-	9.186.000	9.186.000
<b>Cộng</b>	-	-	<b>591.832.667.728</b>	<b>591.832.667.728</b>

**12. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>47.246.460.550</b>	<b>48.417.055.856</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.246.460.550	48.417.055.856
- Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
- Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	1.173.035.856
- Khoản phải trả khác	172.440.550	170.000.000
<b>Cộng</b>	<b>47.246.460.550</b>	<b>48.417.055.856</b>

(\*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***MẤU B 09-DN****13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>75.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>883.097.031.980</b>	<b>808.097.031.980</b>	-	-
Ngân hàng ACB- CN Hải Phòng	-	-	200.254.200.000	200.254.200.000	-	-
Ngân hàng TMCP Liên Việt	-	-	537.067.831.980	537.067.831.980	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	75.000.000.000	75.000.000.000	57.175.000.000	57.175.000.000	-	-
Ngân hàng HDBank-CN HP (1)	-	-	88.600.000.000	13.600.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>883.097.031.980</b>	<b>808.097.031.980</b>	-	-

(1) Vay theo Ngân hàng HDBank-CN Hải Phòng theo hợp tín dụng ngắn hạn số 0819/15/HĐTDNH-DN/099 ngày 22/12/2015, khoản vay tối đa trong 02 tháng; Khoản vay được dùng để thanh toán tiền nhập khẩu xe đầu kéo; Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ; Khoản vay được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng HDBank – CN Hải Phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***MÃ B 09-DN****14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>382.499.480.000</b>	<b>14.270.000.000</b>	<b>8.677.751.000</b>	<b>91.718.588.129</b>	<b>497.165.819.129</b>
Tăng vốn trong năm	114.643.430.000	-	-	-	114.643.430.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	76.499.500.000	(153.764.000)	-	(76.499.500.000)	(153.764.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	4.102.500.000	(4.102.500.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.853.280.678	135.853.280.678
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>14.116.236.000</b>	<b>12.780.251.000</b>	<b>146.969.868.807</b>	<b>747.508.765.807</b>
Tăng vốn trong kỳ (1)	1.588.905.570.000	110.995.557.000	-	-	1.699.901.127.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (2)	168.356.300.000	-	-	(168.356.300.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền (3)	-	-	-	(168.359.798.000)	(168.359.798.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	336.800.928.956	336.800.928.956
Trích quỹ trong năm (3)	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Giảm khác	-	(579.781.457)	-	(2.000.000)	(581.781.457)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>2.330.904.280.000</b>	<b>124.532.011.543</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>140.260.035.729</b>	<b>2.615.269.242.306</b>

(1) Tăng vốn trong kỳ gồm:

(-) Phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2015. Sau khi hoán đổi cổ phiếu thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang và Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang chính thức trở thành Công ty con của Công ty;

(-) Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1, giá phát hành 11.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng với 1.109.955.570.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(2) Chia cổ tức bằng cổ phiếu bao gồm:

(-) Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 10%, tương ứng với 57.363.160.000 đồng theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ;

(-) Trả cổ tức đợt 1 năm 2015 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%, tương ứng với 110.993.140.000 đồng theo Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ.

(3) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/01/2015 và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2015, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 6.792.664.034 đồng, trả cổ tức bằng tiền mặt 10% tương ứng với 57.363.160.000 đồng, và

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2015, đại hội thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2015 là 10% tương ứng với 110.995.557.000 đồng.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 2.330.904.280.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	Vốn đã góp tại 16/12/2015	
	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	522.201.510.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	223.128.670.000	9,57
PYN Elite Fund (NON-UCITS)	254.295.410.000	10,91
Cổ đông khác	1.331.278.690.000	57,11
<b>Cộng</b>	<b>2.330.904.280.000</b>	<b>100</b>

**15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngoại tệ (USD)	1.583,07	686,06



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**16. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>802.527.020.650</b>	<b>297.510.214.571</b>	<b>703.821.409.121</b>	<b>1.803.858.644.342</b>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	801.993.917.375	297.510.214.571	703.821.409.121	1.803.325.541.067
- Doanh thu khác	533.103.275	-	-	533.103.275
<b>2. Giá vốn</b>	<b>662.749.751.102</b>	<b>253.771.231.689</b>	<b>614.724.629.830</b>	<b>1.531.245.612.621</b>
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	662.596.742.754	253.771.231.689	614.724.629.830	1.531.092.604.273
- Giá vốn hoạt động khác	153.008.348	-	-	153.008.348
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>139.777.269.548</b>	<b>43.738.982.882</b>	<b>89.096.779.291</b>	<b>272.613.031.721</b>
- Bán hàng hóa, thành phẩm	139.397.174.621	43.738.982.882	89.096.779.291	272.232.936.794
- Hoạt động khác	380.094.927	-	-	380.094.927
<b>4. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>152.097.403.047</b>	<b>56.422.536.426</b>	<b>133.479.077.856</b>	<b>341.999.017.329</b>
- Bán hàng hóa, thành phẩm	151.717.308.120	56.422.536.426	133.479.077.856	341.618.922.402
- Hoạt động khác	380.094.927	-	-	380.094.927

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận thứ yếu – theo lĩnh vực kinh doanh

Theo số liệu trình bày nêu trên, hoạt động thứ yếu là hoạt động cung cấp dịch vụ khác.

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.803.325.541.067	1.421.625.460.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	533.103.275	2.136.034.749
<b>Cộng</b>	<b>1.803.858.644.342</b>	<b>1.423.761.494.958</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	1.530.583.432.065	1.240.043.460.637
Giá vốn cung cấp dịch vụ	153.008.348	1.389.216.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;	509.172.208	807.291.609
<b>Cộng</b>	<b>1.531.245.612.621</b>	<b>1.242.239.968.595</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.627.674.422	9.340.770.124
Cổ tức, lợi nhuận được chia	57.474.000.000	1.127.774.420
Lãi chênh lệch tỷ giá	959.481.493	595.823.719
<b>Cộng</b>	<b>82.061.155.915</b>	<b>11.064.368.263</b>

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	7.167.302.382	573.098.277
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.671.320.971	6.417.889.587
Dự phòng tổn thất đầu tư	2.281.747.616	1.102.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.120.370.969</b>	<b>8.092.987.864</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
Lợi nhuận trước thuế	341.999.017.329	138.039.125.465
Hoạt động chính	260.897.342.907	129.205.467.341
Hoạt động khác	81.101.674.422	8.833.658.124
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(57.474.000.000)</b>	<b>1.102.000.000</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế hoạt động khác	(57.474.000.000)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	1.102.000.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>284.525.017.329</b>	<b>139.141.125.465</b>
Hoạt động chính	260.897.342.907	129.205.467.341
Hoạt động khác	23.627.674.422	9.935.658.124
Thuế suất thông thường	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>62.595.503.812</b>	<b>30.611.047.602</b>
Hoạt động chính	57.397.415.439	28.425.202.815
Hoạt động khác	5.198.088.372	2.185.844.787
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn</b>	<b>(57.397.415.439)</b>	<b>(28.425.202.815)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>5.198.088.373</b>	<b>2.185.844.787</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, giá mua hàng	1.612.439.825.457	1.240.043.460.637
Chi phí nhân công	3.148.020.000	2.313.300.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	812.684.128	390.787.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	6.675.079.920	18.635.895.803
Chi phí xúc tiến bán hàng	(8.533.561.000)	27.563.253.606
<b>Cộng</b>	<b>1.614.542.048.505</b>	<b>1.288.946.698.010</b>

**23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	75.000.000.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.043.069.462.202	506.580.539.574
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	2.616.590.989.922	747.508.765.807
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.043.069.462.202	506.580.539.574
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.293.318.300	19.988.493.425
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	448.550.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.053.888.652.384	212.325.347.386
<b>Cộng</b>	<b>2.126.251.432.886</b>	<b>1.187.444.380.385</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	75.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	47.246.460.550	640.249.723.584
Chi phí phải trả	-	11.035.000.000
Công nợ tài chính khác	811.736.389	14.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>123.058.196.939</b>	<b>665.514.723.584</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ có thể chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
Đô la Mỹ (USD)	6.663.544,07	686,06	-	27.686.353,00
Tương đương VND	150.020.367.051	14.543.747	-	591.823.481.728

**Rủi ro thị trường**

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đề đầu tư, v.v... Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Rủi ro thị trường*

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.043.069.462.202	-	1.043.069.462.202
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.293.318.300	-	29.293.318.300
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	1.053.888.652.384	1.053.888.652.384
<b>Cộng</b>	<b>1.072.362.780.502</b>	<b>1.053.888.652.384</b>	<b>2.126.251.432.886</b>
<b>Tại 31/12/2015</b>			
Các khoản vay	75.000.000.000	-	75.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	47.246.460.550	-	47.246.460.550
Công nợ tài chính khác	811.736.389	-	811.736.389
<b>Cộng</b>	<b>123.058.196.939</b>	<b>-</b>	<b>123.058.196.939</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>949.304.583.563</b>	<b>1.053.888.652.384</b>	<b>2.003.193.235.947</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	506.580.539.574	-	506.580.539.574
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.988.493.425	-	19.988.493.425
Đầu tư tài chính ngắn hạn	448.550.000.000	-	448.550.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	212.325.347.386	212.325.347.386
<b>Cộng</b>	<b>975.119.032.999</b>	<b>212.325.347.386</b>	<b>1.187.444.380.385</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	640.249.723.584	-	640.249.723.584
Chi phí phải trả	11.035.000.000	-	11.035.000.000
Công nợ tài chính khác	14.230.000.000	-	14.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>665.514.723.584</b>	<b>-</b>	<b>665.514.723.584</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>309.604.309.415</b>	<b>212.325.347.386</b>	<b>521.929.656.801</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**25. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL**

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukسا International thành lập Công ty TNHH Prukسا Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Prukسا Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ hai ngày 09/01/2016 của Công ty TNHH Prukسا Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 27.523.810 USD, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 46,35%.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Prukسا Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất (đợt 1) là 20.014,3 m<sup>2</sup>. Tại thời cuối năm 2015, dự án đã chính thức bắt đầu bàn giao căn hộ của 8 block nhà 3 tầng hoàn thành đầu tiên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan:*

	<u>Bản chất bên liên quan</u>
Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty liên con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	Công ty liên kết

*Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	90.731.309.183	90.707.349.864
Chi hộ khác	892.392.000	-
<b>Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang</b>		
Cho vay vốn lưu động	23.500.000.000	-
Nhận cổ tức bằng tiền	57.474.000.000	-
Lãi tiền vay	4.916.667	-
<b>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	22.707.500.000	-
<b>Công ty TNHH Prukca Việt Nam</b>		
Giá trị công trình thi công bàn giao	20.826.854.379	-
<b>Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam</b>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	2.662.000.000	-

*Số dư với các bên liên quan:*

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy</b>		
Ứng trước tiền mua hàng	9.279.825.250	25.946.134.433

*Các khoản lương, thưởng*

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương thưởng và các khoản phúc lợi	402.620.000	405.480.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính*

**MẪU B 09-DN**

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	31/12/2014 (Đã kiểm toán)		01/01/2015 (Trình bày lại)		Chênh lệch Số tiền	Ghi chú
	Mã số	Số tiền VND	Mã số	Số tiền VND		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	123	448.550.000.000	448.550.000.000	(1)
Đầu tư ngắn hạn khác	121	448.550.000.000	-	-	(448.550.000.000)	(1)
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	254	(1.102.000.000)	(1.102.000.000)	(2)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(1.102.000.000)	-	-	1.102.000.000	(2)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	321	14.230.000.000	14.230.000.000	(3)
Dự phòng phải trả dài hạn	337	14.230.000.000	-	-	(14.230.000.000)	(3)

- (1) Số dư khoản mục 121 được trình bày tách thành số dư khoản mục 133 theo Thông tư 200.  
(2) Số dư khoản mục 258 được trình bày gộp vào số dư khoản mục 254 theo Thông tư 200.  
(3) Trình bày lại khoản dự phòng phải trả về bảo hành từ dài hạn sang ngắn hạn.

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 16 tháng 01 năm 2016

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

